

Số: *M38*/KH-SKHĐT

Trà Vinh, ngày *19* tháng 6 năm 2020

KẾ HOẠCH

Khắc phục và nâng cao chỉ thành phần trong PCI tỉnh Trà Vinh năm 2020

Thực hiện theo tinh thần Công văn số 2227/UBND-KT ngày 12/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc chuẩn bị nội dung báo cáo Kế hoạch nâng cao chỉ số PCI cấp tỉnh,

Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Kế hoạch Khắc phục và nâng cao chỉ thành phần trong PCI tỉnh Trà Vinh năm 2020 (đối với 02 chỉ số Gia nhập thị trường và Cạnh tranh bình đẳng và các chỉ số khác thuộc PCI liên quan đến lĩnh vực, chức năng nhiệm vụ ngành của Sở Kế hoạch và Đầu tư) như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tập trung khắc phục, cải thiện những thành phần ảnh hưởng đến 02 chỉ số Gia nhập thị trường và Cạnh tranh bình đẳng do Sở Kế hoạch và Đầu tư được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện, trong đó: Chỉ số Gia nhập thị trường đẩy mạnh khắc phục 04/10 chỉ số thành phần thấp và tiếp tục duy trì, cải thiện 06/10 chỉ số khá, tốt năm 2019; Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng đẩy mạnh khắc phục 08/14 chỉ số thành phần thấp và tiếp tục duy trì, cải thiện 06/14 chỉ số khá, tốt năm 2019.

- Tăng cường quán triệt cho đội ngũ công chức, viên chức của đơn vị trong thực thi công vụ. Nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, giúp việc của các Phòng, Trung tâm trực thuộc Sở trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nhằm thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp.

- Chủ động liên kết và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong khắc phục, cải thiện 02 chỉ số Gia nhập thị trường và Cạnh tranh bình đẳng nói riêng và các chỉ số thành phần PCI nói chung.

II. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Đối với các chỉ số do Sở Kế hoạch và Đầu tư được giao nhiệm vụ chủ trì:

1.1 Chỉ số Gia nhập thị trường:

a) Khắc phục 04 chỉ số bị đánh giá thấp và hạn chế so với điểm trung vị của cả nước năm 2019:

- *“Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động”:*

+ Tập trung thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông trong đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư năm 2014 (cắt giảm từ 50% trở lên thời gian giải quyết theo quy định – *đính kèm phụ lục thời gian cắt giảm các TTHC thuộc đăng ký kinh doanh và đăng ký đầu tư*).

+ Thực hiện giám sát chặt chẽ các khâu trong giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp không để tình trạng xử lý trễ hạn hoặc kéo dài thời gian xử lý; đảm bảo

không yêu cầu bổ sung nhiều lần và không để xảy ra tình trạng gần đến ngày trả kết quả thì ra thông báo bổ sung hồ sơ.

- *“Tỷ lệ DN đăng ký kinh doanh qua phương thức trực tuyến, TTHCC, bưu điện” và “Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt”:*

+ Nâng cao hơn nữa chất lượng tư vấn, hướng dẫn thủ tục cho doanh nghiệp (*trực tiếp, qua điện thoại hay email...*); nâng cao chất lượng website, trang thông tin điện tử đối với hạng mục hướng dẫn thủ tục đầu tư kinh doanh; chính sách liên quan đến khu vực tư nhân để tham mưu, đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm hỗ trợ thúc đẩy khối doanh nghiệp tư nhân phát triển

+ Cán bộ tiếp nhận hồ sơ ĐKKD và thay đổi ĐKDN tại bộ phận một cửa phải chủ động hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử nhằm giảm chi phí, giảm thời gian đi lại cho doanh nghiệp.

+ Phối hợp địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua môi trường mạng để giúp doanh nghiệp rút ngắn được thời gian, chi phí khi thực hiện và theo dõi được tiến độ của thủ tục (*thời gian thực hiện từ tháng 7/2020*).

+ Phân đầu năm 2020 đạt 50% số doanh nghiệp được thành lập đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.

- *“Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai”:* rà soát, đảm bảo 100% các thủ tục liên quan đến đăng ký và điều chỉnh đăng ký kinh doanh phải được công khai đầy đủ các bộ thủ tục hành chính liên quan đến kinh doanh, đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, tại cơ quan và cập nhật đầy đủ lên Trang thông tin điện tử của đơn vị để cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận (*thực hiện từ tháng 6/2020*)

b) Duy trì, cải thiện hơn nữa 06 chỉ số thành phần khá, tốt:

- *“Số ngày đăng ký doanh nghiệp” và “Số ngày thay đổi ĐKDN”:*

+ Đảm bảo thời gian giải quyết đúng hạn và sớm trước quy định đối với cả thủ tục đăng ký mới và thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hồ sơ liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và thay đổi ĐKDN để đảm bảo điều kiện hoàn thành thủ tục, đồng thời thông tin rõ ràng, cụ thể về thời gian xử lý, trả kết quả khi tiếp nhận hồ sơ doanh nghiệp nhằm góp phần hạn chế được nhận thức chưa đúng của doanh nghiệp *“thời gian xử lý hồ sơ bao gồm giai đoạn chuẩn bị hồ sơ, chỉnh sửa hồ sơ của doanh nghiệp”*, làm ảnh hưởng kết quả điều tra khảo sát.

- *“Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động”:*

+ Tham mưu đề xuất giải pháp phối hợp hiệu quả hơn trong công tác thẩm định hồ sơ đầu tư (*thời gian thực hiện trong tháng 06/2020*); đồng thời kiến nghị xử lý nghiêm đối với các đơn vị thẩm định không đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định nhằm hỗ trợ doanh nghiệp sớm hoàn thành các thủ tục đi vào hoạt động

+ Tất cả các bước trong quá trình xử lý hồ sơ đều phải hướng dẫn, trả lời bằng văn bản, đồng thời phải đính kèm văn bản, kết quả giải quyết trên hệ thống

phần mềm một cửa điện tử. Trường hợp hồ sơ giải quyết trễ hẹn, có văn bản xin lỗi và dự kiến thời gian trả kết quả.

- *Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: “Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ”; “Cán bộ am hiểu chuyên môn”; “Cán bộ nhiệt tình, thân thiện”:*

+ Tập trung quán triệt, chỉ đạo và phân công công chức phụ trách tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công: phải hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng, hiệu quả các thủ tục, hồ sơ đăng ký kinh doanh, đầu tư cho doanh nghiệp; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các TTHC đã được niêm yết công khai; chủ động nghiên cứu, trao đổi thêm kiến thức, cập nhật thường xuyên những văn bản, quy định mới để nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng với yêu cầu công việc.

+ Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức tại bộ phận một cửa, bộ phận xử lý hồ sơ liên quan đến doanh nghiệp; Tăng cường công tác thanh, kiểm tra công vụ cán bộ, công chức, viên chức để kịp thời luân chuyển, bố trí cho phù hợp.

* *Đơn vị phối hợp chính: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ:*

+ Mở rộng thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và triển khai thực hiện có hiệu quả dịch vụ buru chính công ích (*thời gian thực hiện trong năm 2020 và các năm tiếp theo*).

+ Phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh nhằm đa dạng phương thức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thường xuyên tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp biết và thực hiện.

+ Thường xuyên rà soát để đơn giản hóa thủ tục hành chính; kịp thời trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính để đưa vào thực hiện. Niêm yết công khai, minh bạch trong thời gian sớm nhất khi thủ tục có sự thay đổi.

* *Các đơn vị khác có liên quan:*

+ Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố: Đẩy mạnh công tác giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký hộ kinh doanh nhanh chóng, thuận lợi. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các trạm truyền thanh về công tác hướng dẫn, thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử để doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng.

+ Phối hợp chặt chẽ và góp ý thẩm định đảm bảo nội dung và thời gian theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 và Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông đối với dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong công tác thẩm định dự án đầu tư.

1.2. Đối với chỉ số Cạnh tranh bình đẳng:

a) Khắc phục 08 chỉ số bị đánh giá thấp và hạn chế so với điểm trung vị của cả nước năm 2019:

- *“Việc tinh ưu ái cho các doanh nghiệp nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp”:*

+ Chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng tỉnh Trà Vinh không phân biệt, đối xử giữa các thành phần kinh tế (như giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI...), để cộng đồng doanh nghiệp hiểu và tạo sự bình đẳng trong việc tiếp cận các thông tin về cơ chế, chính sách, giải quyết thủ tục hành chính, tín dụng, hợp đồng (thời gian thực hiện trong tháng 6/2020)

+ Tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các chính sách của Trung ương và tỉnh Trà Vinh liên quan đến doanh nghiệp.

- *“Doanh nghiệp nhà nước thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai”* và *“Doanh nghiệp FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai”*:

+ Cập nhật thông tin quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, giai đoạn do cơ quan chuyên ngành về đất đai công khai để làm cơ sở cho định hướng mời gọi đầu tư trong và ngoài nước vào tỉnh.

+ Thông tin đến nhà đầu tư, doanh nghiệp về thủ tục giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được niêm yết công khai để nhà đầu tư, doanh nghiệp có thể khai thác, giám sát thuận tiện, tạo sự bình đẳng cho doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận đất đai phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- *“DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản”*: hiện nay chỉ có 06 tổ chức được UBND tỉnh cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản (không có Doanh nghiệp Nhà nước được cấp phép) do đó không có việc Doanh nghiệp Nhà nước thuận lợi hơn so với các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên, tăng cường công tác phối hợp trao đổi kịp thời giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài nguyên Môi trường để phục vụ nhu cầu quan tâm về khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp đang thực hiện các thủ tục đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- *“DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC”*; *“DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN”*:

+ Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh đảm bảo tất cả các doanh nghiệp luôn bình đẳng trong tiếp cận, trao đổi, thu thập thông tin và giải quyết các thủ tục hành chính tại các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh

+ Thường xuyên cập nhật và công bố đầy đủ thông tin, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách thu hút đầu tư trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư

- *“DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN”*: Phối hợp cơ quan thuế tuyên truyền về pháp luật thuế, đặc biệt là chính sách ưu đãi thuế TNDN, giúp người nộp thuế thông hiểu về việc chính sách miễn, giảm thuế TNDN hiện hành áp dụng chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, không phân biệt loại hình doanh nghiệp FDI hay doanh nghiệp khác.

- *“DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn”*:

+ Tăng cường công tác tiếp xúc, gỡ gỡ, trao đổi với các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã và đang thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư tại tỉnh nhằm kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư (*dự kiến tổ chức ít nhất 02 cuộc trong năm 2020*).

+ Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư, phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương lập danh sách cán bộ đầu mối thuộc các đơn vị để đảm bảo liên hệ, phối hợp hỗ trợ nhà đầu tư kịp thời (không phân biệt thành phần kinh tế) đối với các nội dung thủ tục liên quan đến dự án (thời gian thực hiện trong tháng 6/2020, có văn bản đề nghị cử cán bộ đầu mối).

b) Duy trì, cải thiện hơn nữa 06 chỉ số thành phần khá, tốt:

- “*DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay*”: Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát lại các điều kiện, chính sách vay vốn, hỗ trợ đầu tư hiện hành trên địa bàn tỉnh để thông tin kịp thời các chính sách hỗ trợ vay vốn đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- “*Tình ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân*”; “*DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh*” “*DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC*” và “*Ưu đãi DN lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN*”:

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng tỉnh Trà Vinh không phân biệt, đối xử giữa các thành phần kinh tế (như giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI...)

+ Tăng cường công tác tiếp xúc, gặp gỡ, trao đổi với các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã và đang thực hiện đầu tư tại tỉnh nhằm kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

+ Thực hiện tốt việc giám sát đầu tư, chủ động hướng dẫn, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện tốt nghĩa vụ báo cáo, để tổng hợp kịp thời tình hình triển khai dự án, và tham mưu hỗ trợ xử lý đối với những vướng mắc tại các bước thủ tục đất đai, chính sách thuế... Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo lãnh đạo tỉnh về nội dung giám sát đầu tư (thời gian thực hiện từ tháng 6/2020)

+ Thực hiện công tác xây dựng Bộ chỉ số và tiến hành đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) hàng năm để cải thiện chất lượng điều hành của từng cơ quan, đơn vị.

- “*Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào doanh nghiệp thân quen CBCQ*”: Chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức, viên chức chấp hành tốt các quy định pháp luật, không để xảy ra hiện tượng lợi ích nhóm, doanh nghiệp sân sau, doanh nghiệp thân hữu tồn tại.

* *Đơn vị phối hợp chính: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục thuế tỉnh:*

+ Tiếp tục phát huy mô hình cafe doanh nghiệp vào ngày thứ bảy của tuần thứ hai hàng tháng; chủ động thông báo rộng rãi về lịch tiếp xúc, cũng như kết quả của các buổi gặp gỡ để doanh nghiệp biết, theo dõi, đăng ký.

+ Định kỳ hàng quý tiếp xúc, gặp gỡ với các nhà đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư theo thẩm quyền, cũng như tham mưu lãnh đạo UBND tỉnh tháo gỡ, xử lý.

+ Cơ quan thuế tập trung đẩy mạnh tuyên truyền hỗ trợ pháp luật thuế, đặc biệt là chính sách ưu đãi thuế TNDN, giúp người nộp thuế thông hiểu, ủng hộ và thực hiện tốt các quy định ưu đãi thuế của nhà nước.

+ Đẩy mạnh việc rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đúng quy định của pháp luật. Hướng dẫn cụ thể, rõ ràng các quy trình, thủ tục về đất đai để giúp doanh nghiệp thuận lợi trong tiếp cận, giải quyết hồ sơ

+ Công khai rộng rãi các chính sách đất đai, chính sách thuế...

* Các đơn vị khác có liên quan:

+ Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho tất cả doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tiếp cận về đất đai, các khoản vay của ngân hàng, trong cấp phép khai thác khoáng sản, thực hiện các thủ tục hành chính...

+ Chủ động tiếp xúc, đối thoại với tất cả các doanh nghiệp thuộc chức năng, quản lý của từng ngành, từng địa phương nhằm giúp doanh nghiệp kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như phát hiện những hiến kế, những mô hình hay để nhân rộng, phổ biến đến cộng đồng.

2. Đối với các chỉ số do Sở Kế hoạch và Đầu tư được giao nhiệm vụ phối hợp:

2.1. Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (Sở Công thương chủ trì):

“Tỉ lệ DN cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN” và “Tỉ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV”:

- Tổ chức học tập kinh nghiệm trong cách vận hành, xử lý của các địa phương có mạng lưới phát triển về CCDV tư nhân và FDI khá tốt để tham mưu UBND tỉnh hướng cải thiện.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các thủ tục liên quan đến thành lập doanh nghiệp, thành lập chi nhánh đối với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực CCDV tư nhân và FDI

2.2. Chỉ số Tính minh bạch (Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì):

- “Tiếp cận tài liệu quy hoạch”: rà soát, cập nhật đầy đủ thông tin liên quan đến quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh lên trang thông tin điện tử thành phần, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp gửi yêu cầu trực tiếp.

- “Thông tin mời thầu được công khai”:

+ Theo Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quy định bắt buộc bên mời thầu phải công khai HSMT/HSYC của tất cả các gói thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, do đó đã khắc phục triệt để tình trạng bên mời thầu cố tình không phát hành HSMT/HSYC cho các nhà thầu như đã xảy ra trong thời gian qua, đồng thời nâng cao khả năng giám sát của cộng đồng đối với việc tổ chức lựa chọn nhà thầu. Vì vậy, chỉ tiêu Thông tin mời thầu được công khai chắc chắn được thực hiện đồng bộ đối với các đơn vị chủ đầu tư.

+ Tuy nhiên để thắt chặt quản lý chỉ tiêu nêu trên, cần thực hiện tốt công tác thẩm định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để bảo các gói thầu thực hiện đúng hình thức lựa chọn nhà thầu so với giá trị được duyệt, nhằm tránh tình trạng chia nhỏ gói thầu để chỉ định thầu và không công khai minh bạch trong công tác đấu thầu

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp:

- Chủ trì, triển khai Kế hoạch này đến các Phòng trực thuộc Sở.
- Thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý, năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch này và tổng hợp chung vào báo cáo PCI của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh.

2. Văn phòng Sở:

- Thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch này.

- Bố trí công chức đủ năng lực, trình độ thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh.

- Định kỳ hàng quý, năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch này gửi Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Phòng Đăng ký kinh doanh:

- Thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch này.

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh.

- Định kỳ hàng quý, năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch này gửi Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Phòng Đầu tư Xây dựng cơ bản:

- Thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý, năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch này gửi Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

5. Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư theo Quyết định thành lập số 103/QĐ-SKHĐT ngày 20/5/2019:

- Thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý, năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch này gửi Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

(Đính kèm:

- Bảng phân công cụ thể đơn vị chủ trì và phối hợp trong thực hiện các giải pháp khắc phục 02 chỉ số gia nhập thị trường và cạnh tranh bình đẳng trong PCI;

- Quy trình thực hiện đầu tư (QĐCTĐT/GCNĐT) sau cắt giảm thời gian;

- Danh mục TTHC thực hiện cắt giảm thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Bản tóm tắt nội dung câu hỏi trong phiếu khảo sát doanh nghiệp của

VCCI)

Trên đây là Kế hoạch khắc phục 02 chỉ số Gia nhập thị trường và Cạnh tranh bình đẳng trong PCI của Sở Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- BGD Sở;
- Lưu: VT, TTX. M.05.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lâm Hữu Phúc



Phụ lục 1

Nhiệm vụ của các Phòng và Trung tâm trực thuộc Sở trong thực hiện các giải pháp khắc phục các chỉ số PCI
(Kèm Kế hoạch số 1138/KH-SKHĐT ngày 19/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I. ĐỐI VỚI CHỈ SỐ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG				
1	<p>Thực hiện nghiêm Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đầu tư cho doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian giải quyết không quá 17 ngày đối với cấp Quyết định chủ trương đầu tư (<i>theo quy định là 35 ngày, đã cắt giảm trên 50% so với quy định</i>)- Thời gian giải quyết không quá 02 ngày trong cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (<i>theo quy định là 5 ngày, cắt giảm trên 50% so với quy định theo quy định</i>)	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
2	<p>Thực hiện nghiêm Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục</p>	Phòng Đăng ký kinh doanh	Các Phòng, Trung tâm trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp: thời gian quyết từ 01 đến 1,5 ngày so với quy định (<i>theo quy định là 3 ngày, đã cắt giảm 50% so với quy định</i>)			
3	Thực hiện giám sát chặt chẽ các khâu trong giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp không để tình trạng xử lý trễ hạn hoặc kéo dài thời gian xử lý; đảm bảo không yêu cầu bổ sung nhiều lần và không để xảy ra tình trạng gần đến ngày trả kết quả thì ra thông báo bổ sung hồ sơ.	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư, Văn phòng Sở	Năm 2020 và các năm tiếp theo
4	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ ĐKKD và thay đổi ĐKDN tại bộ phận một cửa phải chủ động hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử	Phòng Đăng ký kinh doanh	Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
5	Phối hợp địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua môi trường mạng. Phần đầu năm 2020 đạt 50% số doanh nghiệp được thành lập đăng ký hồ sơ qua mạng điện tử.	Phòng Đăng ký kinh doanh	Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
6	Công khai đầy đủ các bộ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, cũng như thường xuyên cập nhật, đăng tải các chính sách về đăng ký, điều chỉnh đăng ký kinh doanh trên Trang thông tin điện tử của Sở	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Phòng, Trung tâm trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
7	Tham mưu đề xuất giải pháp phối hợp hiệu quả hơn trong công tác thẩm định hồ sơ đầu tư; đồng thời xử lý nghiêm đối với các đơn vị thẩm định trễ hạn theo quy định nhằm hỗ trợ	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trong năm 2020

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	doanh nghiệp sớm hoàn thành các thủ tục đi vào hoạt động			
8	Tất cả các bước trong quá trình xử lý hồ sơ đều phải hướng dẫn, trả lời bằng văn bản, đồng thời phải đính kèm văn bản, kết quả giải quyết trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử. Trường hợp hồ sơ giải quyết trễ hẹn, có văn bản xin lỗi và dự kiến thời gian trả kết quả.	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư; Phòng Đăng ký kinh doanh	Trong năm 2020
9	Tập trung quán triệt, chỉ đạo công chức phụ trách tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phải hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng, hiệu quả các thủ tục, hồ sơ đăng ký kinh doanh, đầu tư cho doanh nghiệp.	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh, Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
10	Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức tại bộ phận một cửa, bộ phận xử lý hồ sơ liên quan đến doanh nghiệp; tăng cường công tác thanh, kiểm tra công vụ cán bộ, công chức, viên chức để kịp thời luân chuyển, bố trí cho phù hợp	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Phòng, Trung tâm trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
11	Tất cả các bước trong quá trình xử lý hồ sơ đều phải hướng dẫn, trả lời bằng văn bản, đồng thời phải đính kèm văn bản, kết quả giải quyết trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử. Trường hợp hồ sơ giải quyết trễ hẹn, có văn bản xin lỗi và dự kiến thời gian trả kết quả.	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
II	ĐỐI VỚI CHỈ SỐ CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG			
12	Tăng cường công tác tiếp xúc, gặp gỡ, trao đổi với các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã và đang thực hiện sản xuất kinh doanh,	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	đầu tư tại tỉnh nhằm kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư (<i>dự kiến tổ chức ít nhất 02 cuộc trong năm</i>).		tư	tiếp theo
13	Thường xuyên cập nhật và công bố đầy đủ thông tin, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách thu hút đầu tư trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Phòng, Trung tâm trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
14	Phát huy hiệu quả của Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư; Có văn bản đề nghị các Sở, ban ngành và địa phương lập danh sách cán bộ đầu mối thuộc các đơn vị để liên hệ, phối hợp hỗ trợ nhà đầu tư kịp thời đối với các nội dung thủ tục liên quan đến dự án (tháng 6/2020)	Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
15	Chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng tỉnh Trà Vinh không phân biệt, đối xử giữa các thành phần kinh tế (như giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI...), để cộng đồng doanh nghiệp hiểu và tạo sự bình đẳng trong việc tiếp cận các thông tin về cơ chế, chính sách, giải quyết thủ tục hành chính, tín dụng, hợp đồng	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trong tháng 6/2020 và các năm tiếp theo
16	Cập nhật thông tin quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, giai đoạn do cơ quan chuyên ngành về đất đai công khai để làm cơ sở cho định hướng mời gọi đầu tư trong và ngoài nước vào tỉnh	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
17	Thông tin đến nhà đầu tư, doanh nghiệp về thủ tục giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được niêm yết công khai để nhà đầu tư, doanh nghiệp có thể khai thác, giám sát thuận tiện, tạo sự bình đẳng cho doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận đất đai phục vụ sản xuất, kinh doanh	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
18	Tăng cường công tác phối hợp trao đổi kịp thời giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài nguyên Môi trường để phục vụ nhu cầu quan tâm về khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp đang thực hiện các thủ tục đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
19	Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh đảm bảo tất cả các doanh nghiệp luôn bình đẳng trong tiếp cận, trao đổi, thu thập thông tin và giải quyết các thủ tục hành chính tại các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
20	Thường xuyên cập nhật và công bố đầy đủ thông tin, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách thu hút đầu tư trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm và các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
21	Phối hợp cơ quan thuế tuyên truyền về pháp luật thuế, đặc biệt là chính sách ưu đãi thuế TNDN, giúp người nộp thuế thông hiểu về việc chính sách miễn, giảm thuế TNDN hiện hành áp dụng chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, không phân biệt loại hình doanh nghiệp FDI hay doanh	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Phòng ĐKKD; Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	ng nghiệp khác.			
22	Thực hiện tốt việc giám sát đầu tư, chủ động hướng dẫn, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện tốt nghĩa vụ báo cáo, đề tổng hợp kịp thời tình hình triển khai dự án, và tham mưu hỗ trợ xử lý đối với những vướng mắc tại các bước thủ tục đất đai, chính sách thuế... Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo lãnh đạo tỉnh về nội dung giám sát đầu tư	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Tổ Tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư	Từ tháng 6/2020 và các năm tiếp theo
23	Thực hiện công tác xây dựng Bộ chỉ số và tiến hành đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) hàng năm để cải thiện chất lượng điều hành của từng cơ quan, đơn vị.	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
24	Chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức, viên chức chấp hành tốt các quy định pháp luật, không để xảy ra hiện tượng lợi ích nhóm, doanh nghiệp sân sau, doanh nghiệp thân hữu tồn tại	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm và các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
III. Chỉ số dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp				
25	Tổ chức học tập kinh nghiệm trong cách vận hành, xử lý của các địa phương có mạng lưới phát triển về CCDV tư nhân và FDI khá tốt để tham mưu UBND tỉnh hướng cải thiện.	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo
26	Hướng dẫn, hỗ trợ các thủ tục liên quan đến thành lập doanh nghiệp, thành lập chi nhánh đối với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực CCDV tư nhân và FDI	Phòng Đăng ký kinh doanh	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
IV. Chỉ số Tính minh bạch				
27	thực hiện tốt công tác thẩm định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để bảo các gói thầu thực hiện đúng hình thức lựa chọn nhà thầu so với giá trị được duyệt, nhằm tránh tình trạng chia nhỏ gói thầu để chỉ định thầu và không công khai minh bạch trong công tác đấu thầu	Phòng Đầu tư Xây dựng cơ bản	Các Phòng trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 và các năm tiếp theo



Phụ lục 2

Danh mục TTHC thực hiện cắt giảm thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư

(Kèm Kế hoạch số 1138/KH-SKHĐT ngày 19/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian theo quy định (ngày)	Thời gian thực hiện đã cắt giảm (ngày)	Thời gian cắt giảm (ngày)	Ghi chú
1	Quyết định chủ trương đầu tư	35 (Theo Luật Đầu tư 2014)	17	18	
2	Thủ tục thuê đất	30 (Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/01/2017)	30	0	
3	Thủ tục ĐTM	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019			
	Thẩm định và phê duyệt ĐTM dự án nguy cơ ô nhiễm cao	50	50	0	
	Thẩm định và phê duyệt ĐTM (Thẩm định bằng hình thức họp hội đồng)	45	45	0	
	Thẩm định và phê duyệt ĐTM (Thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến)	40	40	0	
4	Thẩm định thiết kế chuyên ngành	30 (Nghị định 59/2015/NĐ-CP)	15	15	<i>Đối với dự án cửa hàng xăng dầu</i>
5	Thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy	15 (Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014)	7	8	
6	Thủ tục xin phép xây dựng	30 (Thông tư 15/2016/TT-BXD)	15 ngày làm việc	15	

	Thẩm định TKCS: Dự án nhóm B Dự án nhóm C	20 17	10 8	10 5	
	Thẩm định TKKT/TKBVTC	30	15	15	
	Cấp giấy phép xây dựng	30	15	15	



Phụ lục 3

Danh mục TTHC thực hiện cắt giảm thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư
(Kèm Kế hoạch số 138/KH-SKHĐT ngày 19/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

STT	TÊN TTHC	Thời gian quy định (ngày làm việc)	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	Tỷ lệ cắt giảm (%)
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP: 60 TTHC				
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	3	1,5	50%
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	3	1,5	50%
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	1,5	50%
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	3	1,5	50%
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	3	1,5	50%
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	1,5	50%
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	1	67%
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	3	1	67%
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	3	1	67%
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	1	67%
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	3	1	67%
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	3	1	67%
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về	3	1	67%

	sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước			
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	3	1	67%
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	3	1	67%
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	3	1	67%
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	3	1	67%
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	3	1	67%
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	3	1	67%
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	1	67%
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	3	1	67%
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	3	1	67%
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	3	1	67%
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	3	1	67%
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản	3	1	67%

	lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	1	67%
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	1	67%
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	1,5	50%
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	1,5	50%
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	3	1,5	50%
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	3	1,5	50%
32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	1,5	50%
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	3	1,5	50%
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện,	3	1	67%

	địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	3	1	67%
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	3	1	67%
37	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	3	1	67%
38	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	3	1	67%
39	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	3	1,5	50%
40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	3	1,5	50%
41	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	3	1,5	50%
42	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	3	1,5	50%
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	3	1,5	50%
44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	3	1,5	50%
45	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	3	1,5	50%
46	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	3	1,5	50%

47	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	3	1	67%
48	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	3	1	67%
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	3	1	67%
50	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	3	1	67%
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	3	1	67%
52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	3	1	67%
53	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	3	1	67%
54	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	3	1	67%
55	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	3	1,5	50%
56	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	3	1	67%
57	Giải thể doanh nghiệp	5	5	Phải thông báo tình trạng DN đang làm thủ tục giải thể trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Điều 202 Luật DN)
58	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	180	180	Phải thông báo tình trạng DN đang làm

				thủ tục giải thể trên công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Điều 203 Luật DN)
59	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	5	2,5	50%
60	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	3	1	67%
II. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ: 22 TTTC				
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	35	17	51%
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	42	35	17%
3	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	42	24	43%
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	15	12	20%
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	40	17	57,5%
6	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	10	3	70%
7	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	10	3	70%
8	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	40	17	57,5%
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của	42	35	17%

	Thủ tướng Chính phủ			
10	Chuyển nhượng dự án đầu tư	28	19	32%
11	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	15	7	53%
12	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	15	7	53%
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	5	3	40%
14	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	3	3	Giữ nguyên
15	Giãn tiến độ đầu tư	15	7	8
16	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	1	1	Giữ nguyên
17	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	3	3	Giữ nguyên
18	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15	7	8
19	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15	7	53%
20	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	3	3	Giữ nguyên
21	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	Không quy định	10	
22	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	15	7	53%

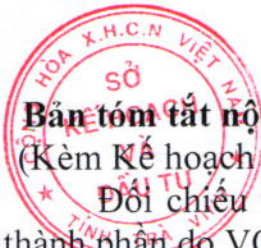
Ghi chú:

- Thống kê theo Căn cứ theo Quyết định 491/QĐ-UBND 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

- Định hướng trong thời gian tới sẽ không thực hiện cắt giảm thêm thời gian, vì:

+ Thủ tục đăng ký kinh doanh thực tế thời gian qua chỉ thực hiện cấp mới trong ngày và thay đổi chỉ thực hiện trong 0,5 ngày, do đó không thể tiếp tục cắt giảm

+ Thủ tục đầu tư liên quan đến nhiều đơn vị chuyên ngành và cả địa phương, do đó thời gian 07 ngày làm việc để thực hiện rà soát góp ý kiến thẩm định là phù hợp.



Phụ lục 4

Bản tóm tắt nội dung câu hỏi trong phiếu khảo sát doanh nghiệp của VCCI

(Kèm Kế hoạch số 1138/KH-SKHĐT ngày 19/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)
Đôi chiếu với bộ câu hỏi trong phiếu khảo sát doanh nghiệp của 10 chỉ số thành phần do VCCI ban hành, gồm **91 câu hỏi** trong đó:

- Tổng quan về doanh nghiệp gồm: **13** câu hỏi, nội dung hỏi về (Thời gian thành lập bắt đầu hoạt động của doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh, số lao động, tình hình hoạt động của năm vừa qua, nhận định kế hoạch hoạt động của 2 năm tới)

- **78** câu hỏi liên quan đến 10 chỉ số thành phần PCI, cụ thể:

1. Chỉ số gia nhập thị trường: Chỉ số này được đo lường thông qua 5 câu hỏi trong phiếu khảo sát tại mục "C- ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ GIẤY PHÉP KINH DOANH". Câu hỏi đưa ra 9 chỉ tiêu đo lường về thời gian thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép kinh doanh (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện); Ba chỉ tiêu đo lường liên quan trực tiếp đến cán bộ: Có hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ không? có am hiểu chuyên môn không? có nhiệt tình, thân thiện không với doanh nghiệp? Hai chỉ tiêu đo lường liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống trực tuyến, thủ tục hành chính công và bưu điện...

2. Chỉ số tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất: Chỉ số này đo lường thông qua 7 câu hỏi trong phiếu khảo sát tại mục "B- ĐẤT ĐAI, MẶT BẰNG KINH DOANH". Câu hỏi đưa ra 11 chỉ tiêu đo lường là: Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ? Sự rủi ro khi sử dụng đất và khó khăn trong tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh? Giải phóng mặt bằng chậm, thiếu quỹ đất sạch? khung giá đất có phù hợp với giá thị trường hay không? thủ tục hành chính rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu hay không?

3. Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin: Chỉ số này đo lường thông qua 7 câu hỏi trong phiếu khảo sát tại mục "F- TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN". Câu hỏi đưa ra 12 chỉ tiêu đo lường: Khả năng tiếp cận các kế hoạch của tỉnh và các văn bản pháp lý cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có dễ dàng hay không? liệu doanh nghiệp có thể tiếp cận một cách công bằng các văn bản này không? các chính sách và quy định mới có tham khảo ý kiến của doanh nghiệp không? DN có khả năng tiên liệu được việc triển khai thực hiện các chính sách quy định đó hay không? mức độ tiện dụng trang web của tỉnh đối với doanh nghiệp có tốt không?

4. Chỉ số chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước: Chỉ số này đo lường thông qua 8 câu hỏi trong phiếu khảo sát tại mục "D1- CHI PHÍ KINH DOANH". Câu hỏi đưa ra 11 chỉ tiêu chính như: Thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và

thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước của địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra? nội dung kiểm tra có bị trùng lặp hay không? Cán bộ công chức giải quyết công việc hiệu quả, thân thiện hay những nhiều doanh nghiệp? DN có phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính không? các loại phí, lệ phí có được niêm yết công khai không?

5. Chỉ số chi phí không chính thức: Chỉ số này đo lường thông qua 6 câu hỏi trong phiếu khảo sát tại mục “D3: Chi phí không chính thức trong các hoạt động liên quan đến kinh doanh - D4: Các thủ tục mua sắm, đấu thầu của cơ quan NN”; Câu hỏi đưa ra 9 chỉ tiêu đo lường chính như: Các khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc trả những khoản chi phí không chính thức có đem lại kết quả hay “dịch vụ” như mong đợi và liệu các cán bộ Nhà nước có sử dụng các quy định của địa phương để trục lợi hay không?

6. Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Chỉ số này được đo lường thông qua 3 câu hỏi trong phiếu khảo sát tại mục “I- TÍNH NĂNG ĐỘNG”. Câu hỏi đưa ra 14 chỉ tiêu để đánh giá về: Việc tỉnh có ưu ái cho các DNNN và gây khó khăn cho Doanh nghiệp dân doanh hay không? DNNN có thuận lợi hơn trong việc tiếp cận đất đai, vốn vay, cấp phép khai thác khoáng sản, các hợp đồng từ CQNN không? DN FDI được ưu tiên giải quyết khó khăn, thuận lợi trong tiếp cận đất đai, đặc quyền trong việc miễn/giảm thuế, giải quyết thủ tục hành chính linh hoạt hơn DN dân doanh không? nguồn lực kinh doanh (các dự án đầu tư, đất đai, khoáng sản...) có chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ hay không?

7. Chỉ số tính năng động: Chỉ số này được đo lường thông qua 2 câu hỏi trong phiếu khảo sát (câu 1-2) tại mục “I- TÍNH NĂNG ĐỘNG”. Câu hỏi đưa ra 11 chỉ tiêu khảo sát về Tỉnh có kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn điểu chỉnh rõ ràng từ quy định của Trung ương hay không? có linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp hay không? có tổ chức đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho DN hay không?

8. Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: Chỉ số này được đo lường thông qua 7 câu hỏi tại mục “E- MÔI TRƯỜNG KINH DOANH”. Câu hỏi đưa ra 24 tiêu chí chính để đánh giá như: Các dịch vụ của tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp để phát triển khu vực kinh tế tư nhân như xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, phát triển các khu/cụm công nghiệp tại địa phương và cung cấp các dịch vụ công nghệ cho doanh nghiệp có tốt hay không? các doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng các dịch vụ đó hay không?

9. Chỉ số đào tạo lao động: Chỉ số này được đo lường thông qua 4 câu hỏi (từ câu 8-12) tại mục “E3 NGUỒN NHÂN LỰC – tại mục E- MÔI TRƯỜNG KINH DOANH“. Câu hỏi đưa ra 11 chỉ tiêu đo lường chính như: các nỗ lực của lãnh đạo tỉnh để thúc đẩy đào tạo nghề và phát triển kỹ năng nhằm hỗ trợ cho các ngành công nghiệp tại địa phương và giúp người lao động tìm kiếm việc làm? Lao động tại tỉnh có đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp hay không? Chất lượng giáo dục dạy nghề tại tỉnh như thế nào?

10. Chỉ số thiết chế pháp lý- ANTT: Chỉ số này được đo lường thông qua 7 câu hỏi tại mục “H- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ KHIẾU NẠI“. Câu hỏi đưa ra 17 chỉ tiêu đo lường lòng tin của doanh nghiệp tư nhân đối với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh, liệu các thiết chế pháp lý này có được doanh nghiệp xem là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc là nơi doanh nghiệp có thể khiếu nại các hành vi vi phạm của cán bộ công quyền tại địa phương hay không? tình hình an ninh trật tự có tốt không? DN bị mất trộm tài sản có thu hồi lại được không? Cơ quan Công an có hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản không? DN có phải trả tiền ‘bảo kê’ cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn không?